

TÀI LIỆU GIỚI THIỆU NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

I. SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT PHÒNG KHÔNG NHÂN DÂN

1. Cơ sở chính trị

Trong công cuộc chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ trên chiến trường miền Bắc, nhằm bảo toàn tiềm lực đất nước, giữ vững, duy trì sự ổn định kinh tế, chính trị, xã hội trước các hoạt động đánh phá ác liệt của kẻ thù, ngày 25/7/1963, Hội đồng Chính phủ ban hành Nghị định số 112/CP về việc Tổ chức công tác Phòng không nhân dân (PKND); ngày 23/12/1964 Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 184/CP về việc thành lập Ủy ban PKND Trung ương; ngày 02/4/1964 Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 24/TTg về công tác PKND.

Những năm qua Đảng đã có nhiều chủ trương, chính sách về bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Trong đó có nhiều văn bản liên quan tới PKND cụ thể như:

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị khóa X và Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 03/10/2011 của Ban Bí thư khóa XI về tiếp tục xây dựng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới: *xây dựng khu vực phòng thủ có tiềm lực và sức mạnh toàn diện, ngăn ngừa, làm thất bại âm mưu và hoạt động “diễn biến hoà bình”, gây bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; giữ vững ổn định chính trị, môi trường hoà bình để phát triển kinh tế - xã hội...; huy động sức mạnh tổng hợp của các tổ chức, các lực lượng trong xây dựng khu vực phòng thủ”;*

- Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 25/10/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, xác định rõ và đồng bộ phương hướng, mục tiêu, quan điểm, yêu cầu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu về xây dựng khu vực phòng thủ: *“Tiếp tục điều chỉnh bố trí chiến lược lực lượng quân đội đáp ứng yêu cầu phòng thủ đất nước”; “Nâng cao chất lượng xây dựng các khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc toàn diện...”;*

- Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 16/4/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về Chiến

lược quốc phòng Việt Nam. Đây là Chiến lược quốc gia trọng yếu thể chế hóa các quan điểm của Đảng về quốc phòng. Chiến lược đã xác định mục tiêu xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, ngày càng hiện đại, mang đậm tính nhân dân “do dân, vì dân”, được xây dựng trên cơ sở nguồn lực của nhà nước kết hợp với nguồn lực từ nhân dân, nhằm không ngừng tăng cường sức mạnh quốc phòng để bảo vệ vững chắc Tổ quốc - lợi ích cao nhất của quốc gia;

- Kết luận số 31-KL/TW ngày 16/4/2018 về Chiến lược quân sự Việt Nam là nội dung nòng cốt, cụ thể hóa Chiến lược quốc phòng Việt Nam, là nghệ thuật sử dụng sức mạnh quân sự trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc;

- Kết luận số 64-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị Khóa XII về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 22/9/2008 của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới tiếp tục khẳng định quan điểm chỉ đạo: “*Kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng hoạt động của các khu vực phòng thủ với phòng thủ quân khu, tạo thế bố trí phòng thủ liên hoàn, vững chắc trên từng địa bàn và phạm vi cả nước*”;

- Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, xác định: “*Củng cố, tăng cường quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ*”, “*Củng cố tăng cường thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc*”.

2. Cơ sở pháp lý

Các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước trong thời gian qua đã tạo cơ sở chính trị, pháp lý quan trọng để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; là cơ sở để cấp ủy đảng, chính quyền địa phương các cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện tương đối đồng bộ, toàn diện về công tác PKND. Ban Chỉ đạo PKND từ Trung ương đến đơn vị, địa phương được thành lập theo đúng quy định của pháp luật; lực lượng thực hiện công tác PKND được tổ chức chặt chẽ, cơ bản đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ biên giới, vùng trời, vùng biển, đảo của Tổ quốc ở độ cao dưới 5.000m trong từng khu vực phòng thủ.

Tuy nhiên, nhiều văn bản pháp luật mới được ban hành có liên quan đến công tác PKND, vì vậy cần xây dựng các chế định về PKND cho phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành, cụ thể như Luật Quốc phòng năm 2018 chưa quy định về việc tổ chức PKND, xây dựng các công trình phòng tránh, chiếu sáng, ngụy trang, thông tin liên lạc và các biện pháp bảo đảm an toàn phòng không; Luật Dân quân tự vệ, Luật Lực lượng dự bị động viên chưa quy định cụ thể nội dung, thời gian huấn luyện, bồi

dưỡng kiến thức PKND trong chương trình huấn luyện của dân quân tự vệ, bộ đội địa phương.

Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” (khoản 2 Điều 14). Việc huy động các tổ chức, cá nhân (ngoài lực lượng vũ trang) và Nhân dân tham gia các hoạt động PKND như phục vụ chiến đấu (đào đắp công sự, trận địa, bảo đảm giao thông vận tải, tải đạn, tiếp lương thực, thực phẩm...), khắc phục hậu quả (như cứu hỏa, cứu thương, cứu sập khi địch đánh phá vào trận địa phòng không) và tham gia công tác quản lý, bảo vệ vùng trời, quan sát, phát hiện, thông báo, báo động PKND... sẽ liên quan quyền con người, quyền công dân mà theo quy định của Hiến pháp năm 2013 phải được quy định trong văn bản luật.

3. Cơ sở thực tiễn

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ đã vận dụng linh hoạt, kết hợp chặt chẽ hai phương thức cơ bản là chủ động phòng, tránh để bảo toàn tiềm lực đất nước, duy trì mọi hoạt động chính trị, kinh tế, xã hội trong điều kiện chiến tranh và phát huy sức mạnh của lực lượng phòng không 3 thứ quân kiên quyết đánh trả tiêu diệt sinh lực địch làm hạn chế tối đa các hoạt động đánh phá của địch, tạo nên sức mạnh to lớn của chiến tranh nhân dân đánh thắng hai cuộc chiến tranh phá hoại của kẻ thù và làm nổi bật nghệ thuật chiến tranh nhân dân của dân tộc ta.

Những năm qua Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về bảo vệ Tổ quốc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trong tình hình mới. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về quốc phòng, an ninh ngày càng hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về PKND; việc triển khai công tác PKND ngay từ thời bình đã được cấp ủy, chính quyền địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện tương đối đồng bộ, toàn diện; Ban Chỉ đạo PKND từ Trung ương đến cơ sở được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, lực lượng kiêm nhiệm PKND do toàn dân tham gia được tổ chức chặt chẽ, cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác PKND, góp phần quan trọng bảo vệ vững chắc bầu trời Tổ quốc trong tình hình mới.

Tuy nhiên, một số nội dung của Nghị định số 74/2015/NĐ-CP chưa thống nhất, đồng bộ với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quốc phòng¹, chưa

¹ Luật Biên Việt Nam năm 2012; Bộ luật Lao động năm 2012; Luật sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2008 và 2014); Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2013; Luật Hàng không dân dụng năm 2014; Luật nghĩa vụ quân sự năm 2015; Luật quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng năm 2015; Luật Quốc phòng năm 2018; Luật dân quân tự vệ năm 2019; Luật Lực lượng dự bị động viên 2019; Luật Biên phòng Việt Nam năm 2020... và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

quy định việc tổ chức xây dựng lực lượng PKND trong các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp, các công trình năng lượng lớn của quốc gia; một số cơ chế, chính sách chưa được điều chỉnh hoặc điều chỉnh chưa đầy đủ đến tổ chức, hoạt động của công tác PKND và xây dựng thể trận PKND, chưa sát với thực tế, thiếu tính khả thi, chưa đáp ứng được với yêu cầu công tác PKND; công tác phối hợp giữa các ban, bộ, ngành Trung ương, địa phương trong chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác PKND chưa đồng bộ, thống nhất, còn bộc lộ nhiều bất cập, vướng mắc, chưa theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội và chưa phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ bầu trời Tổ quốc trong tình hình mới.

Hiện nay, việc quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, quản lý độ cao chương ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam đặt ra các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục đầu tư, thiết kế, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, thử nghiệm, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và khoảng cách cự ly, độ cao các công trình liền kề, tiếp giáp trận địa phòng không sẽ hạn chế quyền con người, quyền công dân theo quy định của Hiến pháp năm 2013. Đồng thời, các quy định này liên quan trực tiếp tới quy định về ngành nghề kinh doanh có điều kiện tại Luật Đầu tư, Luật Quản lý ngoại thương, theo đó, cần được điều chỉnh trong luật để bảo đảm có sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và giải quyết các vấn đề vướng mắc trong thực tiễn bảo vệ an toàn cho các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam.

Việc bảo vệ, bảo đảm ổn định sản xuất kinh doanh để giữ vững và phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm đời sống nhân dân khi chiến tranh xảy ra là nhiệm vụ rất quan trọng. Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành chưa quy định việc xây dựng, tổ chức hoạt động PKND trong các công trình năng lượng lớn của quốc gia, các nhà máy, xí nghiệp, doanh nghiệp và các tập đoàn kinh tế. Vì vậy, cần được bổ sung quy định trong Luật PKND để bảo đảm thực hiện đồng bộ, thống nhất.

Đặc biệt, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực quân sự, quốc phòng, tạo ra cả thời cơ, thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc. Sự xuất hiện của các loại vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật quân sự hiện đại như: các loại tên lửa, bom đạn thông minh, có điều khiển, các phương tiện bay không người lái làm thay đổi cơ bản hình thái, phương thức tiến hành các cuộc chiến tranh, xung đột của các nước trên thế giới thời gian gần đây đã tác động sâu sắc đến quốc phòng, an ninh toàn thế giới. Thực tiễn các cuộc chiến tranh, xung đột trên thế giới những năm gần đây và dự báo chiến tranh trong tương lai cho thấy: Ngoài những hình thức, phương pháp chiến tranh truyền thống, việc ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến vào trong lĩnh vực quân sự, quốc phòng, trong đó có việc sử dụng vũ khí, trang bị kỹ thuật công nghệ cao như: Tàu bay không người lái và phương tiện bay khác là chủ yếu, ngay từ

đầu và trong suốt cuộc chiến tranh, đã làm thay đổi quy mô, phạm vi, không gian, thời gian, lực lượng và thủ đoạn tác chiến để tiến hành chiến tranh, tác động đến khả năng phát hiện, quản lý vùng trời, nhất là ở độ cao dưới 5.000m của lực lượng PKND. Đối với nước ta trong những năm qua việc khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác vào các lĩnh vực đời sống xã hội tương đối phổ biến, đa dạng và tiềm ẩn nhiều nguy cơ đe dọa đến quốc phòng an ninh.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng, ban hành Luật PKND là rất cần thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT

1. Mục đích

a) Hoàn thiện cơ sở pháp lý, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và nâng cao hiệu quả pháp lý của hệ thống pháp luật về xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động PKND, quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, quản lý độ cao chướng ngại vật đối với các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam. Nâng cao năng lực về công tác PKND, góp phần củng cố quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

b) Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, bảo vệ Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội để phát triển kinh tế, xã hội.

2. Quan điểm chỉ đạo

a) Đảm bảo sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng; điều hành của Chính phủ; sự chỉ huy, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của các bộ, ngành Trung ương và địa phương trong xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động công tác PKND.

b) Thể chế hóa đầy đủ chủ trương, quan điểm của Đảng về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

c) Bảo đảm sự phù hợp, thống nhất với Hiến pháp năm 2013, Luật Quốc phòng năm 2018 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

d) Bảo đảm tính kế thừa và phát triển các quy định của pháp luật hiện hành về

công tác PKND đã được thực tiễn kiểm nghiệm thấy phù hợp, đồng thời bổ sung những vấn đề mới để giải quyết những nội dung về công tác PKND đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

đ) Phù hợp với thực tiễn và xu thế tác chiến phòng không hiện nay; trên cơ sở giữ vững nguyên tắc độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không để bị phụ thuộc, lệ thuộc, đồng thời phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị, nguồn lực của đất nước để xây dựng, tổ chức hoạt động PKND.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT

Luật PKND được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 27 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Luật PKND gồm 07 chương, 47 điều, cụ thể như sau:

1. Chương I: Quy định chung

Gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8) quy định về: Phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ; nguyên tắc tổ chức hoạt động, chính sách của Nhà nước về PKND; nhiệm vụ, trọng điểm PKND; hành vi bị nghiêm cấm và trách nhiệm quản lý nhà nước về PKND và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác .

2. Chương II: Lực lượng PKND

Gồm 03 mục 09 điều (từ Điều 9 đến Điều 17) quy định về: Cơ quan chỉ đạo và hoạt động chỉ đạo PKND; hệ thống chỉ huy PKND; lực lượng thực hiện nhiệm vụ PKND; tổ chức lực lượng PKND; thời hạn, độ tuổi huy động lực lượng rộng rãi; quản lý lực lượng rộng rãi và thẩm quyền, trình tự huy động lực lượng rộng rãi.

3. Chương III: Hoạt động PKND

Gồm 03 mục 09 điều (từ Điều 18 đến Điều 26) quy định về: Nội dung hoạt động PKND; Xây dựng kế hoạch, thể trận PKND; tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn về PKND; huấn luyện, diễn tập PKND; công trình PKND và hợp tác quốc tế về PKND.

4. Chương IV: Quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và bảo đảm an toàn phòng không

Gồm 02 mục 13 điều quy định:

Mục 1: Quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, gồm 09 điều (từ Điều 27 đến Điều 35) quy định về: Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay

không người lái, phương tiện bay khác; đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; cấp phép bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; phân loại, điều kiện khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; giấy phép điều khiển bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; đình chỉ bay, chế áp, tạm giữ đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; dự báo, thông báo, hiệp đồng, quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay

Mục 2: Bảo đảm an toàn phòng không, gồm 04 điều (từ Điều 36 đến Điều 39) quy định về: Công tác bảo đảm an toàn phòng không; quản lý, bảo vệ trận địa phòng không; quản lý chướng ngại vật phòng không và tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không.

5. Chương V: Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân

Gồm 03 điều (từ Điều 40 đến Điều 42) quy định về: Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đối với PKND; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

6. Chương VI: Nguồn lực, chế độ, chính sách cho PKND

Gồm 03 điều (từ Điều 43 đến Điều 45) quy định về: Nguồn lực cho hoạt động PKND; chế độ, chính sách đối với người được huy động, tham gia hoạt động PKND và bảo đảm trang bị cho lực lượng PKND.

7. Chương VII: Điều khoản thi hành

Gồm 02 điều (Điều 46 và Điều 47) quy định về: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 45/2013/QH13, Luật số 61/2014/QH13, Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 18/2023/QH15; hiệu lực thi hành.

IV. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT

1. Những quy định chung (Chương I)

a) Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Luật PKND quy định về nguyên tắc, nhiệm vụ, lực lượng, hoạt động PKND; quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và bảo đảm an toàn phòng không; nguồn lực, chế độ, chính sách, quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân đối với PKND.

b) Một số khái niệm cơ bản (Điều 2)

Phòng không nhân dân là hoạt động của toàn dân do bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ và quân nhân dự bị làm nòng cốt, cùng với phòng không quốc gia, phòng không lực quân và các lực lượng khác chuẩn bị, ngăn ngừa, phòng tránh, đánh địch, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không trong khu vực phòng thủ, quản lý, bảo vệ vững chắc vùng trời Tổ quốc.

Thế trận phòng không nhân dân là hình thái tổ chức, triển khai, bố trí lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, công trình phòng không nhân dân và nguồn lực cần thiết cho từng địa bàn trong khu vực phòng thủ và phạm vi cả nước để thực hiện nhiệm vụ phòng không nhân dân.

Bên cạnh đó tại Điều 2 Luật PKND cũng một số khái niệm là đối tượng áp dụng của Luật như: Chương ngại vật phòng không; Trận địa phòng không; Công trình PKND; Tàu bay không người lái; Phương tiện bay khác; Chế áp.

c) Nguyên tắc tổ chức hoạt động PKND (Điều 3)

Luật PKND năm 2024 quy định 05 nguyên tắc xuyên suốt trong tổ chức hoạt động PKND, cụ thể:

- Đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống nhất quản lý nhà nước của Chính phủ và sự chỉ đạo, chỉ huy của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền địa phương.

- Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Được tổ chức thống nhất từ trung ương đến địa phương; bảo đảm chủ động, kịp thời, hiệu quả, an toàn, có sự phân công, phân cấp, phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng phòng không và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong hoạt động PKND.

- Được chuẩn bị thường xuyên, liên tục từ thời bình và kịp thời triển khai thực hiện các biện pháp cần thiết theo quyết định của cấp có thẩm quyền để quản lý, bảo vệ vững chắc vùng trời Tổ quốc.

- Xây dựng lực lượng PKND và thế trận PKND liên hoàn, rộng khắp, vững chắc; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh và xây dựng khu vực phòng thủ.

d) Chính sách của Nhà nước về PKND (Điều 4)

Điều 4 Luật PKND năm 2024 xác định: Bảo đảm nguồn lực của Nhà nước và huy động nguồn lực của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để thực hiện nhiệm

vụ PKND; ưu tiên bổ sung ngân sách cho trọng điểm PKND, địa phương đặc biệt khó khăn có vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh để đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ vùng trời Tổ quốc. Đồng thời khuyến khích, tạo điều kiện để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân ủng hộ vật chất, tài chính, tinh thần cho hoạt động PKND trên nguyên tắc tự nguyện, không trái với pháp luật Việt Nam và phù hợp với pháp luật quốc tế.

đ) Nhiệm vụ PKND (Điều 5)

Luật PKND năm 2024 quy định PKND có 04 nhiệm vụ như sau:

- Huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, phòng, chống địch đột nhập, tiến công đường không và tham gia quản lý, bảo vệ vùng trời ở độ cao dưới 5.000 mét.
- Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn tính mạng, tài sản của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.
- Phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

e) Trọng điểm PKND (Điều 6)

Tại khoản 1 Điều 6 của Luật xác định: “Trọng điểm PKND là khu vực có khả năng địch tập trung tiến công đường không, bao gồm các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc những nơi có mục tiêu trọng điểm quốc gia, quân khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và những nơi được xác định trong phương án tác chiến phòng thủ các cấp.”

Từ khái niệm trọng điểm PKND như trên, Luật phân cấp trọng điểm PKND bao gồm: Trọng điểm PKND quốc gia; Trọng điểm PKND cấp tỉnh; Trọng điểm PKND cấp huyện. Đồng thời quy định thẩm quyền quyết định trọng điểm PKND được quy định như sau:

- + Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định trọng điểm PKND quốc gia và cấp tỉnh;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định trọng điểm PKND cấp huyện.

g) Hành vi bị nghiêm cấm (Điều 7)

Luật quy định 10 nhóm hành vi bị nghiêm cấm, gồm:

- Trốn tránh, chống đối, cản trở việc xây dựng, huy động, hoạt động và thực hiện trách nhiệm tham gia lực lượng PKND theo quy định tại Luật này.
- Huy động, sử dụng lực lượng, vũ khí, phương tiện, công trình PKND trái quy định của pháp luật.

- Lợi dụng, lạm dụng việc thực hiện nhiệm vụ PKND để vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

- Cung cấp thông tin, chỉ điểm, quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ làm lộ mục tiêu trận địa, kế hoạch, trang bị kỹ thuật, các công trình chiến đấu.

- Phân biệt đối xử về giới trong thực hiện công tác PKND.

- Chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, sở hữu, khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trái pháp luật.

- Xâm phạm, làm hư hỏng, phá hủy, chiếm đoạt trang bị, thiết bị, phương tiện, công trình PKND.

- Tạo chướng ngại vật cản trở hoạt động quản lý, bảo vệ vùng trời; thông báo, báo động sai hoặc chế áp các trang thiết bị PKND trái pháp luật.

- Sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác để mang thiết bị, vũ khí, vật liệu nổ, chất cấm, hàng hóa trái pháp luật hoặc tuyên truyền, kích động, lôi kéo, xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước.

- Các hành vi khác làm ảnh hưởng đến hoạt động PKND, an toàn bay, an toàn phòng không.

h) Trách nhiệm quản lý nhà nước về PKND và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 8)

Luật quy định trách nhiệm chung theo nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân các cấp theo tinh thần đổi mới trong công tác xây pháp luật cụ thể:

- Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về PKND và tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

- Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về PKND, tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Luật này.

- Bộ Công an, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng thực hiện quản lý nhà nước về PKND, quản lý hoạt động bay có liên quan đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Luật này.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về PKND

và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Ủy ban nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện quản lý nhà nước về PKND và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác tại địa phương.

2. Lực lượng PKND (Chương II)

a) Chỉ đạo, chỉ huy PKND (Mục 1, Chương II)

Luật PKND năm 2024 quy định rõ cơ quan chỉ đạo PKND, hoạt động chỉ đạo PKND và hệ thống chỉ huy PKND.

- Tại Điều 9 Luật quy định cụ thể về cơ quan chỉ đạo PKND, hệ thống tổ chức, cơ quan thường trực và giao Chính phủ quy định chi tiết vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động của Ban chỉ đạo PKND các cấp. Cụ thể:

+ Cơ quan chỉ đạo PKND bao gồm: Chính phủ chỉ đạo PKND trên phạm vi cả nước; Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ chỉ đạo về PKND; Bộ Tư lệnh quân khu chỉ đạo về PKND trên địa bàn quân khu; Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện PKND tại địa phương.

+ Ban chỉ đạo PKND được tổ chức ở trung ương, quân khu và địa phương. Ban chỉ đạo PKND các cấp có nhiệm vụ tham mưu, giúp Cơ quan chỉ đạo PKND cấp tương ứng.

+ Bộ Quốc phòng là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo PKND trung ương; Bộ Tham mưu quân khu là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo PKND quân khu; cơ quan quân sự địa phương các cấp là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo PKND cùng cấp.

- Tại Điều 10 Luật quy định cụ thể về hoạt động chỉ đạo PKND gồm:

+ Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách về PKND.

+ Thực hiện nhiệm vụ PKND và các hoạt động PKND.

+ Huy động lực lượng và các nguồn lực bảo đảm cho nhiệm vụ PKND.

+ Sơ kết, tổng kết, thi đua, khen thưởng, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện nhiệm vụ PKND.

- Tại Điều 11 Luật quy định cụ thể về hệ thống chỉ huy PKND và giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định thành phần, nhiệm vụ cơ quan tham mưu, giúp việc cho chỉ huy PKND các cấp.

Trong đó xác định hệ thống chỉ huy PKND bao gồm:

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

- + Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam;
- + Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;
- + Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh;
- + Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp huyện;
- + Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức;
- + Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã.

b) Lực lượng PKND (Mục 2 Chương II)

Luật PKND năm 2024 quy định rõ lực lượng thực hiện nhiệm vụ PKND và tổ chức lực lượng PKND. Cụ thể:

- Tại Khoản 1 Điều 12 Luật quy định lực lượng thực hiện nhiệm vụ PKND bao gồm: Lực lượng nòng cốt và lực lượng rộng rãi.

- Lực lượng nòng cốt là lực lượng được tổ chức tại các đơn vị bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ và dự bị động viên (Khoản 2 Điều 12).

- Khoản 3 Điều 12 xác định lực lượng rộng rãi bao gồm:

+ Lực lượng được huy động gồm Dân quân tự vệ, quân nhân dự bị chưa được sắp xếp vào các đơn vị và lực lượng từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, quần chúng nhân dân để tham gia bồi dưỡng, tập huấn, diễn tập, phục vụ chiến đấu, chiến đấu, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không và bảo đảm an toàn phòng không;

+ Lực lượng tự nguyện do quần chúng nhân dân tham gia để phục vụ chiến đấu, chiến đấu, khắc phục hậu quả địch đột nhập, tiến công đường không và bảo đảm an toàn phòng không.

- Tổ chức lực lượng PKND được quy định tại Điều 13 Luật cụ thể:

+ Lực lượng PKND được tổ chức phù hợp với phương án tác chiến phòng thủ các cấp và trọng điểm PKND.

+ Trong thời bình, lực lượng nòng cốt được tổ chức như sau:

Lực lượng phòng không cấp tỉnh, cấp huyện gồm bộ đội địa phương, Dân quân tự vệ phòng không, quân nhân dự bị chuyên ngành phòng không, lực lượng phòng không kiêm nhiệm của cơ quan quân sự địa phương và Bộ đội Biên phòng được tổ chức thành các đại đội, trung đội, khẩu đội; các đài, vọng quan sát phòng không, các tổ bắn mục tiêu bay thấp và tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

Lực lượng phòng không cấp xã do dân quân đảm nhiệm được tổ chức thành các tổ bắn mục tiêu bay thấp và tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

Lực lượng phòng không ở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tổ chức lực lượng tự vệ do lực lượng tự vệ đảm nhiệm được tổ chức phù hợp với quy mô, tổ chức, đặc điểm của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc tình trạng chiến tranh, lực lượng PKND được tổ chức như sau:

Lực lượng nòng cốt được tổ chức theo quy định về tổ chức, biên chế của bộ đội địa phương và Dân quân tự vệ trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc trong tình trạng chiến tranh;

Lực lượng rộng rãi được huy động phù hợp với nhiệm vụ phòng không của từng địa phương.

c) Huy động lực lượng PKND rộng rãi (Mục 3 Chương II)

- Tại Điều 14 Luật xác định rõ thời hạn huy động lực lượng rộng rãi

+ Trong thời bình, thời hạn huy động để tham gia bồi dưỡng, tập huấn, diễn tập PKND hoặc diễn tập khu vực phòng thủ của địa phương không quá 07 ngày trong 01 năm.

+ Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc tình trạng chiến tranh, thời hạn huy động thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

- Tại Điều 15 Luật quy định cụ thể độ tuổi huy động lực lượng rộng rãi. Độ tuổi tham gia lực lượng rộng rãi trong trường hợp được huy động thực hiện theo quy định về độ tuổi của Luật Dân quân tự vệ. Trường hợp tự nguyện tham gia và đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì không giới hạn về độ tuổi.

Thẩm quyền quyết định kéo dài độ tuổi huy động được quy định tại khoản 2 Điều 15: “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp quyết định kéo dài độ tuổi huy động tham gia lực lượng rộng rãi theo quy định tại khoản 1 Điều này” .

- Quản lý lực lượng rộng rãi (Điều 16)

+ Căn cứ kết quả đăng ký công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ, quân nhân dự bị hằng năm, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đăng ký, sắp xếp lực lượng rộng rãi phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của từng địa phương.

+ Thẩm quyền quản lý lực lượng rộng rãi được quy định như sau:

Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi không có đơn vị hành chính cấp xã quản lý lực lượng rộng rãi cư trú tại địa phương;

Ban Chỉ huy quân sự hoặc chỉ huy tự vệ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không có Ban Chỉ huy quân sự quản lý lực lượng rộng rãi thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Riêng lực lượng tự nguyện khoản 3 Điều 16 quy định: Nếu đáp ứng được yêu cầu thì cơ quan quân sự địa phương các cấp xem xét, sử dụng phù hợp với năng lực, nhu cầu, nhiệm vụ PKND tại địa phương.

- Tại Điều 17 Luật PKND năm 2024 quy định rõ thẩm quyền, trình tự huy động lực lượng rộng rãi

+ Việc huy động lực lượng rộng rãi được thực hiện theo kế hoạch PKND của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

+ Cơ quan quân sự địa phương, Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc chỉ huy tự vệ đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi không có Ban Chỉ huy quân sự xây dựng kế hoạch huy động, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phê duyệt;

+ Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp ban hành quyết định huy động lực lượng PKND theo đề nghị của cơ quan quân sự địa phương cùng cấp. Người đứng đầu doanh nghiệp ban hành quyết định huy động lực lượng PKND theo đề nghị của Ban Chỉ huy quân sự hoặc chỉ huy tự vệ đối với doanh nghiệp không có Ban Chỉ huy quân sự;

+ Cơ quan quân sự địa phương các cấp, Ban Chỉ huy quân sự hoặc chỉ huy tự vệ đối với doanh nghiệp không có Ban Chỉ huy quân sự thông báo quyết định huy động lực lượng PKND đến từng cá nhân có liên quan của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

+ Cơ quan quân sự địa phương các cấp tiếp nhận, tổ chức, sử dụng lực lượng PKND được huy động theo kế hoạch.

3. Hoạt động PKND (Chương III)

a) Nội dung hoạt động PKND (Điều 18).

- Khoản 1 Điều 18 Luật PKND năm 2024 quy định nội dung hoạt động PKND trong thời bình bao gồm: Chỉ đạo, chỉ huy PKND; xây dựng kế hoạch PKND; xây dựng lực lượng, thể trận PKND; tuyên truyền, giáo dục, xây dựng mô hình điểm về PKND; bồi dưỡng, tập huấn về PKND; huấn luyện, hội thi, hội thao PKND; diễn tập PKND; xây dựng công trình PKND; tổ chức đài, vọng quan sát, thông báo, báo động phòng không, sẵn sàng đánh địch đột nhập, tiến công đường không; quản lý hoạt động của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; bảo đảm an toàn phòng không;

khắc phục hậu quả sự cố trong PKND; hợp tác quốc tế về PKND.

- Trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc tình trạng chiến tranh hoạt động PKND thực hiện các nội dung trong thời bình và thêm các nội dung sau: Trinh sát, quan sát phát hiện, thông báo, báo động PKND; quan sát diễn biến tiến công đường không của địch; nguy trang, nghi binh, sơ tán, phân tán, phòng, tránh, đánh địch đột nhập, tiến công đường không, vây bắt giặc lái, thu giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của địch; phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả do địch đột nhập, tiến công đường không.

b) Xây dựng kế hoạch PKND (Điều 19)

Điều 19 Luật PKND năm 2024 quy định:

- Kế hoạch PKND được xây dựng 05 năm một lần và được điều chỉnh, bổ sung khi có thay đổi quyết tâm tác chiến phòng thủ hoặc thay đổi người chỉ huy lực lượng PKND. Kế hoạch PKND các cấp được quy định như sau:

+ Kế hoạch PKND quân khu do Bộ Tham mưu xây dựng, trình Tư lệnh quân khu phê duyệt;

+ Kế hoạch PKND của địa phương do cơ quan quân sự địa phương chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt;

+ Kế hoạch PKND của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có tổ chức tự vệ do Ban Chỉ huy quân sự hoặc chỉ huy tự vệ đối với những nơi không có Ban Chỉ huy quân sự xây dựng theo hướng dẫn của cơ quan quân sự địa phương, trình người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp phê duyệt.

- Căn cứ xây dựng kế hoạch PKND bao gồm:

+ Đường lối, chiến lược xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, thế trận khu vực phòng thủ;

+ Quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

+ Quyết tâm tác chiến phòng thủ của địa phương, mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên;

+ Địa hình, khí hậu, vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật phòng không được biên chế, công trình, trận địa phòng không và lực lượng PKND của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

+ Dự báo, đánh giá tình hình khả năng tác chiến đường không của địch.

- Nội dung kế hoạch PKND bao gồm: Đánh giá tình hình; nhiệm vụ PKND; ý định thực hiện nhiệm vụ PKND; nhiệm vụ của các thành phần liên quan; tổ chức chỉ

đạo, điều hành; hiệp đồng bảo đảm; các mốc thời gian chính.

c) Xây dựng thể trận PKND (Điều 20)

- Cơ quan quân sự địa phương chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xác định và đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định xây dựng thể trận PKND của địa phương.

- Yêu cầu xây dựng thể trận PKND bao gồm:

+ Thể trận PKND phải được xây dựng từ thời bình;

+ Bảo đảm tính liên hoàn, rộng khắp, vững chắc có chiều sâu để đánh địch trên mọi hướng, mọi tầng, từ xa đến gần;

+ Phù hợp với thể trận phòng thủ của địa phương.

- Nội dung xây dựng thể trận PKND bao gồm:

+ Xây dựng công trình PKND;

+ Xây dựng, thực hiện đề án, dự án về PKND;

+ Xác định, xây dựng khu vực sơ tán, phân tán lực lượng, phương tiện ở từng cấp trong khu vực trọng điểm PKND;

+ Xây dựng phương án tác chiến PKND, phương án bảo đảm phục vụ PKND trong khu vực phòng thủ các cấp;

+ Xác định công trình lưỡng dụng để phục vụ nhiệm vụ PKND khi cần thiết.

d) Tuyên truyền, giáo dục về PKND (Điều 21)

- Công dân được tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về PKND; được trang bị kiến thức về PKND theo quy định của pháp luật.

- Nội dung giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về PKND được đưa vào môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường, chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.

đ) Bồi dưỡng, tập huấn về PKND (Điều 22)

- Lực lượng nòng cốt được bồi dưỡng, tập huấn theo chương trình cho từng đối tượng phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và tình hình của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

- Lực lượng rộng rãi được bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ PKND theo kế hoạch hoạt động PKND của địa phương.

- Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp theo chức năng nhiệm vụ phối hợp, hiệp đồng với cơ quan quân sự địa phương để bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn,

ng nghiệp vụ bảo đảm cho nhiệm vụ PKND.

- Nội dung bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ PKND do người đứng đầu cơ quan, đơn vị chỉ đạo, chỉ huy PKND quyết định.

e) Huấn luyện PKND (Điều 23).

- Điều 23 Luật PKND quy định việc huấn luyện, tham gia hội thi, hội thao của lực lượng PKND nòng cốt được thực hiện theo mệnh lệnh, chỉ thị hằng năm của Bộ Quốc phòng, Bộ Tư lệnh quân khu, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội đối với bộ đội địa phương và Dân quân tự vệ.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định nội dung, chương trình huấn luyện PKND.

g) Diễn tập PKND (Điều 24).

- Khoản 1 Điều 24 Luật PKND quy định diễn tập PKND như sau:

+ Cơ quan quân sự địa phương các cấp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức diễn tập PKND hoặc diễn tập khu vực phòng thủ có nội dung PKND;

+ Các Bộ, ngành trung ương chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc quyền phối hợp với cơ quan quân sự trên địa bàn thực hiện nội dung diễn tập PKND theo kế hoạch của địa phương.

- Nội dung diễn tập PKND bao gồm: Chỉ huy tham mưu PKND; tổ chức trinh sát, thông báo, báo động phòng không; tổ chức nguy trang, nghi binh, sơ tán, phân tán, phòng tránh; tổ chức đánh địch đột nhập, tiến công đường không; xử lý, chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác vi phạm quy định của Luật PKND; tổ chức phục vụ chiến đấu, khắc phục hậu quả do địch đột nhập, tiến công đường không và vây bắt giặc lái.

- Luật giao cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quy trình, nội dung diễn tập PKND.

h) Công trình PKND (Điều 25)

- Khoản 1 Điều 25 Luật PKND quy định công trình PKND bao gồm: Công trình PKND chuyên dụng và công trình PKND lưỡng dụng theo quy định của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; Công trình khác có công năng sử dụng cho PKND.

Trong đó, công trình PKND chuyên dụng bao gồm:

+ Hệ thống công sự, trận địa phòng không, vị trí chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

+ Đài, vọng quan sát, trinh sát, thông báo, báo động phòng không;

+ Công trình trú ẩn bảo đảm cho nhiệm vụ sơ tán, phòng tránh khi địch đột nhập, tiến công đường không.

- Việc xây dựng công trình PKND chuyên dụng phải theo quy hoạch, kế hoạch, gắn với thể trận phòng thủ của cấp tỉnh, cấp huyện; bảo đảm kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với thể trận PKND.

- Công trình PKND phải bảo đảm an toàn phòng không theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và quy định của pháp luật về xây dựng công trình quốc phòng; công trình PKND xây dựng ở khu vực biên giới phải bảo đảm phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định xây dựng công trình PKND chuyên dụng; nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thì do Ủy ban nhân dân quyết định.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định vị trí sơ tán, phân tán các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp xác định các khu vực, phương án sơ tán, phòng tránh cho người lao động và nơi cất giữ tài sản theo kế hoạch PKND của địa phương.

- Trong trường hợp cần thiết hoặc trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh, công trình khác có công năng sử dụng cho PKND được trưng dụng theo quy định của pháp luật để thực hiện nhiệm vụ PKND.

- Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan thẩm định việc xây dựng các công trình PKND; công trình lưỡng dụng để sẵn sàng trưng dụng cho nhiệm vụ PKND.

i) Hợp tác quốc tế về PKND (Điều 26).

- Điều 26 Luật PKND năm 2024 xác định: Hợp tác quốc tế về PKND được thực hiện theo nguyên tắc tuân thủ pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi.

- Nội dung hợp tác quốc tế về PKND bao gồm: Ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế có liên quan đến PKND; thực hiện chương trình, dự án hợp tác quốc tế về PKND; đào tạo, nghiên cứu, quản lý, ứng dụng khoa học và công nghệ về PKND, tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; hoạt động hợp tác quốc tế khác về PKND.

4. Quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Mục 1 Chương IV)

a) Nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 27).

- Điều 27 Luật PKND quy định:

“1. Tổ chức, cá nhân được phép kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác được nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

2. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết khoản này.

3. Bộ Công Thương cấp phép nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Việc ủy thác nhập khẩu tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác chỉ được thực hiện khi bên nhận ủy thác có giấy phép, đáp ứng điều kiện nhập khẩu trước khi ký hợp đồng ủy thác.

5. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 3 và 4 Điều này.”

b) Nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 29).

- Tổ chức, cá nhân nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác tại Việt Nam phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành hoặc công nhận (Đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Bộ Công an quản lý phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành) và phải có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng do Bộ Quốc phòng cấp, trừ các cơ sở do Bộ Công an quản lý.

- Cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận khi cơ sở đó không còn đủ điều kiện theo quy định của Luật này.

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải đáp ứng đủ các điều kiện: Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện đối với cơ sở kinh doanh do Bộ Quốc phòng cấp, trừ các cơ sở do Bộ Công an quản lý; đáp ứng quy định của ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

- Việc đặt hàng, giao nhiệm vụ nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh thực hiện theo quy định của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp.

- Trình tự, thủ tục ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Chính phủ quy định.

c) Đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 29).

- Khoản 1 Điều 29 Luật PKND năm 2024 quy định: “Tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải được đăng ký trước khi đưa vào khai thác, sử dụng”.

- Điều kiện đăng ký: Đáp ứng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật do Bộ Quốc phòng ban hành hoặc công nhận; có Giấy chứng nhận tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam. Đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác nhập khẩu, ngoài các điều kiện trên phải có đầy đủ giấy tờ hợp lệ theo quy định của pháp luật khi nhập khẩu vào Việt Nam.

- Nội dung đăng ký bao gồm: Cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký; Đăng ký tạm thời; Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký.

- Thẩm quyền đăng ký được quy định như sau:

+ Cơ quan Công an đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

+ Thẩm quyền đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Bộ Quốc phòng quản lý thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

+ Bộ Công an cung cấp thông tin đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác cho Bộ Quốc phòng để phối hợp quản lý.

d) Cấp phép bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 30)

- Luật PKND quy định: “1. Việc cấp phép bay phải phù hợp với thông số kỹ thuật, mục đích sử dụng của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, khả năng quản lý, điều hành, giám sát hoạt động bay và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn hàng không và lợi ích công cộng.”

- Thẩm quyền cấp phép bay được quy định như sau:

+ Bộ Quốc phòng cấp phép bay hoặc phân cấp cho đơn vị thuộc quyền cấp phép bay, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

+ Bộ Công an cấp phép bay hoặc phân cấp cho đơn vị thuộc quyền cấp phép bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an và thông báo đến Bộ Quốc phòng để phối hợp quản lý. Trường hợp cấp phép bay trong khu vực cấm bay, hạn chế bay và các khu vực khác có ảnh hưởng đến hoạt động bay của tàu bay quân sự thì phải được sự đồng ý của Bộ Quốc phòng;

+ Trường hợp Bộ Quốc phòng hoặc Bộ Công an cấp phép bay trong khu vực cảng hàng không, sân bay và các khu vực khác có ảnh hưởng đến hoạt động bay của tàu bay dân dụng thì phải được sự đồng ý của Bộ Giao thông vận tải.

- Các trường hợp sau đây được miễn cấp phép bay theo quy định của Luật PKND: Hoạt động ngoài khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay, phạm vi hoạt động trong tầm nhìn trực quan bằng mắt thường, có trọng lượng cất cánh tối đa nhỏ hơn 0,25 kg để phục vụ vui chơi giải trí; Hoạt động trong trường hợp khẩn cấp để bảo vệ tính mạng, tài sản của tổ chức, cá nhân theo quyết định của cấp có thẩm quyền nhưng phải thông báo đến cơ quan quản lý hoạt động bay trước khi bay.

đ) Phân loại, điều kiện khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 31).

- Khoản 1 Điều 31 quy định: “Tàu bay không người lái, phương tiện bay khác được phân loại căn cứ vào thông số kỹ thuật và mục đích sử dụng.”

- Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải đảm bảo các điều kiện sau thì được khai thác, sử dụng:

+ Phải được cấp phép bay, trừ trường hợp được miễn cấp phép bay;

+ Phải dự báo, thông báo, hiệp đồng bay và được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác;

+ Người trực tiếp điều khiển tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải đủ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và có Giấy phép điều khiển bay

phù hợp do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc giấy phép của nước ngoài cấp được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép điều khiển bay của Việt Nam công nhận, trừ trường hợp được miễn cấp phép bay quy định tại điểm a khoản 3 Điều 30 của Luật này;

+ Đối với người nước ngoài trực tiếp điều khiển tàu bay không người lái, phương tiện bay khác tại Việt Nam, ngoài các quy định tại các điểm a, b và c khoản này phải có đại diện tổ chức hoặc cá nhân là người Việt Nam bảo lãnh theo quy định của pháp luật;

+ Đối với người điều khiển tàu bay không người lái, phương tiện bay khác chuyên dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định điều kiện được khai thác, sử dụng.

e) Giấy phép điều khiển bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 32)

- Giấy phép điều khiển bay bao gồm các loại: Giấy phép điều khiển bay quan sát bằng thiết bị và Giấy phép điều khiển bay quan sát bằng trực quan.

- Trường hợp được miễn cấp phép bay (quy định tại điểm a khoản 3 Điều 30 của Luật này) thì không cần phải có Giấy phép điều khiển bay.

- Cá nhân được cấp giấy phép điều khiển bay phải được đào tạo kiến thức về hàng không và kỹ năng thực hành điều khiển tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

g) Đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 33)

- Khoản 1 Điều 33 Luật PKND năm 2024 quy định các trường hợp bị đình chỉ bay².

- Khoản 2 Điều 33 Luật PKND năm 2024 quy định cụ thể thẩm quyền đình chỉ bay như sau:

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong vùng trời, vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an đã thông báo với Bộ Quốc phòng theo quy định;

+ Bộ trưởng Bộ Công an đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Bộ Công an cấp phép hoặc phương tiện bay xâm phạm mục tiêu do

² Bay không đúng nội dung được cấp phép bay; vì lý do quốc phòng, an ninh và an toàn bay; người điều khiển không đủ điều kiện điều khiển bay; tàu bay không người lái, phương tiện bay khác chưa đăng ký hoặc không đúng theo đăng ký; vi phạm điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Bộ Công an bảo vệ;

+ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, Tư lệnh quân khu đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an hoạt động ngoài khu vực, mục tiêu do quân đội quản lý;

+ Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi địa bàn quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an hoạt động ngoài khu vực, mục tiêu do quân đội quản lý;

+ Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, Chỉ huy đơn vị Bộ đội Biên phòng ở khu vực biên giới đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi địa bàn quản lý, trừ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác của Bộ Công an hoạt động ngoài khu vực, mục tiêu do quân đội quản lý;

+ Chỉ huy đơn vị Công an đình chỉ bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do cơ quan Công an cấp phép hoặc các chuyến bay, phương tiện bay khác xâm phạm mục tiêu do đơn vị Công an bảo vệ theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Trên cùng một địa bàn, khu vực quản lý, mục tiêu bảo vệ, lực lượng nào phát hiện trước hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì được quyền đình chỉ bay theo quy định của pháp luật.

h) Chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 34)

- Khoản 2 Điều 34 Luật PKND năm 2024 quy định các trường hợp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác bị chế áp, tạm giữ³.

- Khoản 2 Điều 34 Luật PKND năm 2024 quy định cụ thể thẩm quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác:

+ Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Tổng Tham mưu trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

³ Bay khi chưa được cấp phép bay; bay vào khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay khi chưa được phép; không tuân thủ yêu cầu đình chỉ bay quy định tại Điều 33 của Luật này; Xâm phạm khu vực cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay có hoạt động của tàu bay dân dụng, tàu bay quân sự; Sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác tuyên truyền, kích động, lôi kéo, xuyên tạc chống phá Đảng, Nhà nước hoặc thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật khác; Sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác mang theo thiết bị, vũ khí, vật liệu nổ, chất cấm, vận chuyển hàng hóa trái pháp luật; Trường hợp đặc biệt khác khi có lệnh của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này.

+ Tư lệnh quân khu, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Tư lệnh Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện, cấp xã được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn quản lý;

+ Chỉ huy lực lượng an ninh hàng không, Chỉ huy đơn vị Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trên địa bàn, khu vực quản lý;

+ Chỉ huy các đơn vị Quân đội, Công an được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác xâm phạm khu vực quản lý, mục tiêu bảo vệ;

+ Tổ trưởng Tổ chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác được quyền ra lệnh chế áp, tạm giữ khi phát hiện các phương tiện bay khác thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

- Trên cùng một địa bàn, khu vực quản lý, mục tiêu bảo vệ, lực lượng nào phát hiện trước hành vi quy định tại khoản 1 Điều này thì được quyền chế áp, tạm giữ sau đó bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Trình tự, thủ tục chế áp, tạm giữ tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Chính phủ quy định.

i) Dự báo, thông báo, hiệp đồng, quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay (Điều 35)

- Khoản 1 Điều 35 Luật PKND năm 2024 quy định cụ thể việc dự báo, thông báo, hiệp đồng bay. Theo đó, tổ chức, cá nhân khi thực hiện chuyến bay cho tàu bay không người lái, phương tiện bay khác phải chấp hành quy định về dự báo, thông báo, hiệp đồng bay; chịu trách nhiệm về các thông tin trong dự báo, thông báo, hiệp đồng bay. Trung tâm Quản lý điều hành bay quốc gia, Trung tâm Quản lý điều hành bay khu vực thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân và các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Quốc phòng có trách nhiệm tiếp nhận, quản lý thông tin về cấp phép bay, dự báo, thông báo, hiệp đồng bay.

Bộ Công an khi thực hiện chuyến bay cho tàu bay không người lái, phương tiện bay khác do Bộ Công an cấp phép phải thông báo hiệp đồng bay đến Bộ Quốc phòng;

Bộ Quốc phòng cung cấp thông tin về cấp phép bay, dự báo, thông báo, hiệp đồng bay tại khu vực, mục tiêu do Bộ Công an quản lý khi có yêu cầu của Bộ Công an.

- Khoản 2 Điều 35 Luật PKND năm 2024 quy định cụ thể việc quản lý điều hành và giám sát hoạt động bay. Trung tâm Quản lý vùng trời, các trung tâm quản lý điều hành bay thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan quản lý vùng trời, quản lý, điều hành và giám sát hoạt động bay của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong vùng trời Việt Nam. Các quân khu, cơ quan quân sự các cấp, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển Việt Nam chịu trách nhiệm quản lý vùng trời, giám sát hoạt động bay và việc chấp hành các quy định về tổ chức bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác trong phạm vi quản lý. Các đơn vị Công an khi tổ chức hoạt động bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác có trách nhiệm điều hành và giám sát hoạt động bay của mình theo quy định về công tác quản lý vùng trời, quản lý điều hành bay.

5. Bảo đảm an toàn phòng không (Mục 2 Chương IV)

- Khoản 2 Điều 36 Luật PKND xác định nội dung bảo đảm an toàn phòng không bao gồm: Quản lý, bảo vệ trận địa phòng không; Quản lý chướng ngại vật phòng không; Xác định tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không.

- Khoản 1 Điều 37 Luật PKND xác định phạm vi bảo vệ trận địa phòng không thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

- Các công trình công cộng, dân sinh khi xây dựng, vận hành không được làm hạn chế hoặc ảnh hưởng đến việc phát huy hiệu quả vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không.

- Quản lý chướng ngại vật phòng không là việc thống kê, đánh dấu, công bố, quản lý, sử dụng khoảng không và xử lý các chướng ngại vật có thể ảnh hưởng đến việc phát huy hiệu quả vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không (Khoản 1 Điều 38).

- Tại Điều 38 Luật PKND cũng xác định: Trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng; Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân là chủ đầu tư công trình công cộng, dân sinh; Các công trình công cộng, dân sinh khi xây dựng phải tuân thủ quy định của pháp luật về phạm vi bảo vệ, độ cao chướng ngại vật phòng không của trận địa phòng không.

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định các bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong khu vực trận địa phòng không; khu vực giới hạn bảo đảm hoạt động bình thường của đài, vọng quan sát phòng không và chướng ngại vật có thể ảnh hưởng đến hiệu quả vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không. Chính phủ quy định phạm vi và độ cao chướng ngại vật phòng không của trận địa phòng không.

- Tại Điều 39 Luật PKND cũng quy định: Tiêu chí bảo đảm an toàn phòng

không⁴. Luật giao Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không đối với từng loại vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không.

6. Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (Chương V)

a) Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với PKND (Điều 40)

- Khoản 1 Điều 40 Luật PKND xác định cụ thể quyền cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với PKND bao gồm: Tiếp cận thông tin về PKND do các cơ quan có thẩm quyền ban hành; Tham gia xây dựng kế hoạch PKND tại địa phương khi có yêu cầu; Tham gia đầu tư xây dựng công trình PKND; Được hỗ trợ, bồi thường khi bị thiệt hại do thực hiện nhiệm vụ PKND theo quy định của pháp luật.

- Bên cạnh đó Khoản 2 Điều 40 Luật cũng quy định cụ thể nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đối với PKND như: Tuyên truyền, vận động Nhân dân...về PKND; Chấp hành quyết định huy động lực lượng thực hiện nhiệm vụ PKND; Thực hiện kế hoạch PKND của địa phương, các phương án phòng, tránh địch đột nhập, tiến công đường không; tham gia bảo vệ công trình PKND.

b) Quyền và nghĩa vụ của cá nhân đối với PKND (Điều 41)

- Khoản 1 Điều 41 Luật PKND xác định cụ thể quyền của cá nhân đối với PKND như: Được thông tin các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ PKND theo quy định; Tham gia hoạt động PKND trong diễn tập khu vực phòng thủ...; Được hưởng tiền công lao động khi được huy động tham gia thực hiện nhiệm vụ PKND theo quyết định huy động của người có thẩm quyền; Trong thời gian huy động thực hiện nhiệm vụ PKND được hưởng đầy đủ chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 44 của Luật này; sau khi hoàn thành nhiệm vụ huy động, công dân được tiếp tục bố trí công việc phù hợp, không thấp hơn vị trí công tác trước khi được huy động; Tự nguyện tham gia lực lượng PKND khi được người có thẩm quyền cho phép; được hưởng chế độ, chính sách như lực lượng PKND được huy động.

- Khoản 2 Điều 41 Luật PKND xác định cụ thể nghĩa vụ của cá nhân đối với PKND như: Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ PKND theo kế hoạch của địa phương, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; Chấp hành đúng quyết định điều động, huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị cho nhiệm vụ PKND; Thực hiện hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền trong việc thực hiện các biện pháp phòng tránh địch đột nhập, tiến công đường không; Tuyên truyền, vận động gia đình, quần

⁴ Tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không bao gồm các thông số kỹ thuật để đánh giá độ an toàn, hiệu quả khi sử dụng vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không.

chúng nhân dân chấp hành quy định của pháp luật về PKND.

c) Quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (Điều 42)

- Khoản 1 Điều 42 Luật PKND quy định cụ thể quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác như: Đề nghị cấp có thẩm quyền cấp chứng nhận hoặc giấy phép nghiên cứu chế tạo, thử nghiệm, sản xuất, sửa chữa, bảo dưỡng, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, động cơ tàu bay, cánh quạt tàu bay và trang bị, thiết bị của tàu bay không người lái, phương tiện bay khác theo quy định của Luật này; Được tham gia đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; được cấp giấy phép đủ điều kiện khai thác, sử dụng tàu bay không người lái, phương tiện bay khác theo quy định của Chính phủ.

- Khoản 2 Điều 42 Luật PKND quy định cụ thể nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác như: Tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành quy định của pháp luật về quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác; Đăng ký tàu bay không người lái, phương tiện bay khác với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Chấp hành và tuân thủ quy định của pháp luật liên quan đến tàu bay không người lái, phương tiện bay khác, về tần số vô tuyến điện và quy định của pháp luật về thu thập, quản lý dữ liệu; không gây nhiễu có hại đến an toàn bay... Bảo đảm an ninh, an toàn trong tổ chức các hoạt động bay đối với tàu bay không người lái, phương tiện bay khác.

7. Nguồn lực, chế độ, chính sách cho PKND. (Chương VI)

- Điều 43 Luật PKND xác định: Nguồn tài chính cho hoạt động PKND bao gồm: Ngân sách nhà nước; Nguồn đóng góp tự nguyện của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân; Nguồn tài chính hợp pháp khác.

- Chế độ, chính sách đối với người được huy động, tham gia hoạt động PKND quy định cụ thể tại Điều 44 Luật PKND. Nổi bật là: “Người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được huy động làm nhiệm vụ PKND tại địa phương, cơ quan, tổ chức được hưởng nguyên lương, các loại phụ cấp hiện hưởng và được hỗ trợ tiền ăn, tiền tàu xe theo quy định của pháp luật”; “Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi được huy động tập huấn, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ PKND theo quyết định của cấp có thẩm quyền... được Nhà nước chi trả tiền công lao động theo ngày huy động đảm bảo không thấp hơn mức tiền công hiện hưởng”... và nhiều chính sách ưu đãi khác.

- Bảo đảm trang bị cho lực lượng PKND (Điều 45). Lực lượng PKND được trang bị vũ khí, khí tài, phương tiện kỹ thuật cho việc thực hiện nhiệm vụ huấn luyện,

sẵn sàng chiến đấu, quản lý, bảo vệ vùng trời, quan sát, phát hiện, thông báo, báo động phòng không và phương tiện chế áp tàu bay không người lái, phương tiện bay khác. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục trang bị cho lực lượng PKND.

8. Điều khoản thi hành (Chương VII).

- Tại Điều 46 Luật PKND năm 2024 quy định: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 66/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 45/2013/QH13, Luật số 61/2014/QH13, Luật số 16/2023/QH15 và Luật số 18/2023/QH15.

- Hiệu lực thi hành: Luật PKND năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

V. TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT PKND NĂM 2024

Trên cơ sở các nội dung quy định tại Luật Phòng không nhân dân, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp 8. Theo đó, Bộ Quốc phòng chủ trì xây dựng 05 văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật Phòng không nhân dân (02 Nghị định và 03 Thông tư), Bộ Công an chủ trì xây dựng 01 Thông tư, cụ thể như sau:

- Nghị định quy định về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, hoạt động của Ban chỉ đạo phòng không nhân dân các cấp; phạm vi và độ cao chướng ngại vật phòng không của trận địa phòng không; chế độ chính sách đối với người được huy động tham gia hoạt động phòng không nhân dân (khoản 4 Điều 9, khoản 6 Điều 38 và Điều 44);

- Nghị định quy định về quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác (khoản 5 Điều 27; khoản 6 Điều 28; khoản 1, khoản 2 và điểm c khoản 4 Điều 29; Điều 30; khoản 1, các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 31; Điều 32; Điều 33; khoản 4 Điều 34 và Điều 35);

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về trọng điểm phòng không nhân dân; thành phần, nhiệm vụ, cơ quan tham mưu, giúp việc cho bề mặt giới hạn chướng ngại vật trong khu vực trận địa phòng không; tiêu chí bảo đảm an toàn phòng không đối với từng loại vũ khí, khí tài, trang bị kỹ thuật của trận địa phòng không; danh mục trang bị cho lực lượng PKND (khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 11, Điều 13, khoản 5 Điều 38, khoản 2 Điều 39 và khoản 2 Điều 45).

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về xây dựng kế hoạch phòng không nhân dân (khoản 4 Điều 19).

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu hàng hóa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (có bao gồm nội dung về cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu quy định tại khoản 2 Điều 27).

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng không nhân dân (khoản 2 Điều 27, điểm a khoản 4 Điều 29).

Thực hiện Quyết định số 1610/QĐ-TTg ngày 19/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã giao các cơ quan, đơn vị thực hiện xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Quốc phòng chủ trì xây dựng và thuộc thẩm quyền, trách nhiệm ban hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

Bộ Quốc phòng đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, phổ biến Luật Phòng không nhân dân năm 2024 bằng hình thức phù hợp, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của công tác phòng không nhân dân trong công cuộc xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Ngày 4/2, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Quyết định số 239/QĐ-TTg ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Phòng không nhân dân nhằm mục đích xác định cụ thể nội dung công việc, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành Luật, bảo đảm kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả. Đồng thời, xác định trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương trong việc tiến hành hoạt động triển khai thi hành Luật trên phạm vi cả nước và nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các cấp, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và toàn dân trong thi hành Luật.

Trên cơ sở Quyết định số 239/QĐ-TTg ngày 04/02/2025 của Thủ tướng chính phủ. Bộ CHQS tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tập trung vào một số nội dung sau:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn chuyên sâu về Luật PKND

a) Nội dung

- Tiếp nhận, biên soạn bổ sung tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; tài liệu tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền Luật PKND.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng của Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành với nội dung, hình thức phù hợp cho từng đối tượng cụ thể nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết, trách nhiệm của cán bộ và nhân dân, nhất là đối với người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ PKND.

b) Cơ quan thực hiện

- Bộ CHQS tỉnh chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh tổ chức tuyên truyền, tập huấn chuyên sâu, biên soạn, in, cấp phát tài liệu phổ biến Luật và văn bản quy định chi tiết thi hành Luật cho cán bộ chủ trì các cơ quan, đơn vị; đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật của các sở, ban, ngành của tỉnh và địa phương; cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan nhằm nâng cao trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thi hành Luật thuộc phạm vi quản lý của Bộ CHQS tỉnh.

- Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quyền hạn phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình của tỉnh và địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và văn bản quy định chi tiết thi hành Luật cho cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan tổ chức, doanh nghiệp có liên quan và toàn dân.

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

- Các sở, ban, ngành khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và văn bản quy định chi tiết thi hành trong cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền sâu rộng tới mọi tầng lớp nhân dân, tổ chức tập huấn, phổ biến Luật và văn bản quy định chi tiết thi hành Luật, trong đó chú trọng tuyên truyền, phổ biến Luật đối với cấp huyện, cấp xã và các địa bàn biên giới, vùng sâu, vùng xa, nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân về PKND.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2025 và các năm tiếp theo.

2. Tổ chức rà soát các văn bản pháp luật hiện hành để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật

a) Nội dung: Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến PKND và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

b) Cơ quan thực hiện

- Bộ CHQS tỉnh tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến PKND và quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước.

- Công an tỉnh, Sở Công thương tiến hành rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước.

- Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến PKND thuộc lĩnh vực, địa bàn quản lý nhà nước được phân công.

c) Thời gian thực hiện: Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện gửi báo cáo kết quả rà soát về Bộ CHQS tỉnh trước ngày 25 tháng 02 năm 2025 để tổng hợp, báo cáo các bộ, ngành Trung ương liên quan.

3. Góp ý xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật

a) Góp ý xây dựng 02 Nghị định của Chính phủ

- Cơ quan chủ trì: Bộ CHQS tỉnh.

- Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Trước ngày 10 tháng 4 năm 2025.

b) Góp ý xây dựng 06 Thông tư

- Cơ quan chủ trì:

+ Bộ CHQS tỉnh: 05 Thông tư.

+ Công an tỉnh: 01 Thông tư.

- Cơ quan phối hợp: Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh, Sở Tư pháp và các sở, ban, ngành, địa phương.

- Thời gian thực hiện: Trước ngày 10 tháng 5 năm 2025.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ nội dung quy định tại Luật và các văn có liên quan, tổ chức triển khai thi hành tại Luật PKND theo đúng quy định của pháp luật.

4. Tổ chức kiểm tra việc thi hành Luật và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật

a) Cơ quan chủ trì: Bộ CHQS tỉnh.

b) Cơ quan phối hợp: Sở Tư pháp, các sở, ban, ngành của tỉnh có liên quan.

c) Thời gian thực hiện: Năm 2025 và các năm tiếp theo./.